

Số: /GPMT-KKT Khánh Hòa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ VÂN PHONG TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3101/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong và các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 301/CV-MVN-KTH ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Công ty TNHH Mariso Việt Nam về việc giải trình chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Nhà máy chế biến thủy sản;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Mariso Việt Nam địa chỉ tại Lô B7, B8 và một phần B9, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy chế biến thủy sản tại Lô B7, B8 và một phần B9, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến thủy sản.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B7, B8 và một phần B9, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5243366573 do Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 08 năm 2018, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 08 tháng 06 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 4201800980.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích: 19.009,5 m².

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*); dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất: 19.500 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Mariso Việt Nam (*Công ty*) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép

môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp đối với các thông tin, số liệu liên quan đến dự án đầu tư được nêu tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp phép.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tham mưu nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Trưởng ban (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Tân;
- Công ty TNHH Mariso Việt Nam;
- Công ty CP Khu công nghiệp Suối Dầu;
- Công Thông tin điện tử của Ban quản lý;
- Phòng QLDN, QLQHXD;
- Lưu: VT, QLTNMT, NKT, 12.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Nghị

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày....tháng....năm 2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 01/2019/HĐDVNT-KCNSD ngày 28/5/2019 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu (Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh Khu công nghiệp Suối Dầu và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu), nước thải không xả trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải tại nhà vệ sinh (khu vực bồn cầu, bồn tiểu và phễu thu sàn) nằm bên trong nhà xưởng theo các tuyến ống PVC D90mm, PVC D114mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ (02 bể tự hoại, mỗi bể dung tích 30 m³), sau đó theo đường ống PVC D168mm – D220mm về hệ thống xử lý nước thải 500m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải tại nhà vệ sinh (khu vực bồn cầu, bồn tiểu và phễu thu sàn) từ khu Văn phòng – Nhà nghỉ theo các tuyến ống PVC D90mm, PVC D114mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn (01 bể tự hoại, dung tích 16 m³) để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D168mm – D220mm về hệ thống xử lý nước thải 500m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nhà bếp, nhà ăn được thu gom bằng tuyến ống PVC D90mm về hệ thống xử lý nước thải 500m³/ngày.đêm theo đường ống PVC D168mm – D220mm để xử lý.

- Nước thải từ quá trình chế biến thủy sản, từ khu vực tiếp nhận nguyên liệu, từ hoạt động lưu trữ, vận chuyển phế phẩm thủy sản bên trong xưởng sản xuất được thu gom bằng các đường ống PVC D90mm, PVC D114mm dẫn hệ thống xử lý nước thải 500m³/ngày.đêm theo đường ống PVC D168mm – D220mm để xử lý.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước xả đáy lò hơi được thu gom bằng đường ống PVC D90mm dẫn hệ thống xử lý nước thải 500m³/ngày.đêm theo đường ống PVC D168mm – D220mm để xử lý.

- Nước thải từ máy ép bùn được thu gom bằng các đường ống PVC D90mm dẫn hệ thống xử lý nước thải 500m³/ngày.đêm theo đường ống PVC D168mm – D220mm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Nước thải → Lược rác thô → Hồ bơm → Lược rác tinh → Ngăn tách mỡ; bể keo tụ, điều chỉnh pH → Bể tạo bông → Bể tuyển nổi DAF → Bể lắng hóa lý 1 → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH, ngăn sau kị khí → Bể kị khí UASB → Bể Anoxic 1, ngăn tách khí → Bể MBBR → Bể hiếu khí 1 → Bể Anoxic 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng bùn hồi lưu → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng khử → Bể khử trùng → Hồ ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Suối Dầu → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu.

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polymer, NaOH, Clorine (*hoặc hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Khu công nghiệp Suối Dầu*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, bảo dưỡng định kỳ máy móc, giám sát tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị thường xuyên theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Nhân viên vận hành khi phát hiện hệ thống xử lý nước thải bị sự cố, phải tiến hành đóng van xả nước thải sau bể khử trùng để dừng việc xả nước thải ra hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp Suối Dầu; Chủ dự án khẩn trương thông báo cho Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty CP Khu công nghiệp Suối Dầu.

+ Trong trường hợp chưa thể khắc phục ngay sự cố hệ thống xử lý nước thải, tiến

hành thỏa thuận với Công ty CP Khu công nghiệp Suối Dầu để xử lý lượng nước thải chưa đạt tiêu chuẩn đầu nối vào Khu công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, Chủ dự án phải tiến hành dừng hoạt động sản xuất. Trong thời gian khắc phục sự cố, thực hiện phương án lưu nước thải tại hố bơm, bể điều hòa và các công trình khác của hệ thống xử lý nước thải.

+ Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải sẽ được bơm tuần hoàn về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý, nước thải phải đảm bảo nước đạt tiêu chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Suối Dầu.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ Nhà máy đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối của Khu công nghiệp Suối Dầu trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Suối Dầu.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố.

3.5. Phải lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước thải để đảm bảo kiểm soát được lưu lượng nước thải phát sinh. Trong trường hợp nước thải có nguy cơ vượt công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, phải tiến hành giảm công suất sản xuất của Nhà máy, kịp thời có kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải. Trước khi nâng công suất hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo về cơ quan có chức năng để được hướng dẫn thủ tục trước khi thực hiện.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2024
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 4 tấn/h.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 6 tấn/h.
- Nguồn số 03: Khí thải (mùi) phát sinh từ khu vực hấp cá.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Thông tin về dòng xả khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải <i>(theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108^o15, múi chiều 3^o)</i>	
	X (m)	Y (m)
- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải số 01 của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi 4 tấn/h và lò hơi 6 tấn/h <i>(nguồn số 01, 02)</i> .	1343898	588854
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí (mùi) phát sinh từ khu vực hấp cá <i>(thoát khí thải từ nguồn số 3)</i> .	1343843	588888

- Địa chỉ: Lô B7, B8 và 1 phần B9, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 34.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 02: 45.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải tương ứng, xả gián đoạn, tối đa 8 giờ/ngày.đêm.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải (mùi) sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, liên tục theo ca sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I Dòng khí thải số 01					
1	SO ₂	mg/Nm ³	450	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	NO _x	mg/Nm ³	765		
3	CO	mg/Nm ³	900		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
5	Lưu lượng	mg/Nm ³	-		
II Dòng khí thải số 2					
1	NH ₃	mg/Nm ³	45	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	H ₂ S	mg/Nm ³	6,75		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

- Tần suất quan trắc định kỳ được thực hiện theo cam kết của Chủ dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 - 02: Thu gom bằng đường ống về cùng 01 hệ thống xử lý khí thải, sau đó xả ra môi trường qua ống khói thải số 01.

- Nguồn số 03: Thu gom bằng chụp hút, xử lý hấp phụ bằng than hoạt tính sau đó xả ra môi trường qua ống khói thải số 02.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/h và lò hơi 6 tấn/h:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclone lọc bụi → Bể nước xử lý → Ống khói.

+ Công suất thiết kế: 34.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ khu vực hấp cá:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi phát sinh → Chụp hút → Thùng chứa tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

+ Công suất thiết kế: 45.000 m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp khí thải phát sinh từ hoạt động của các hệ thống thiết bị xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường và thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng hệ thống hoạt động bị quá tải.

- Tuân thủ các yêu cầu về bảo dưỡng định kỳ của nhà cung cấp thiết bị.

- Chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng để bị hư hỏng để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc để bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục nếu các sự cố xảy ra.

- Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khi phát hiện hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, Công ty khẩn trương ngừng hoạt động sản xuất tại công đoạn phát sinh khí thải; tiến hành sửa chữa, khắc phục hệ thống xử lý kịp thời; chỉ hoạt động lại sau khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm khí thải xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi: công suất thiết kế 34.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ khu vực hấp cá: công suất thiết kế 45.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Ống thoát bụi, khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

+ Ống thoát mùi sau hệ thống xử lý khí thải từ khu vực hấp cá.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải sau xử lý; đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.2.2

Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc bụi, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý bụi, khí thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc, vật liệu để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý khí thải xảy ra sự cố. Trường hợp hệ thống xử lý khí thải có nguy cơ vượt công suất thiết kế, chất lượng khí thải không đạt quy chuẩn môi trường, Chủ dự án phải ngừng hoạt động hệ thống lò hơi, kịp thời có kế hoạch cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý khí thải và báo cáo về cơ quan có chức năng để được hướng dẫn thủ tục trước khi thực hiện.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại nhà xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Tại kho lạnh.
- Nguồn số 03: Tại máy phát điện 1.000 KVA.
- Nguồn số 04: Khu vực lò hơi 4 tấn.
- Nguồn số 05: Khu vực lò hơi 6 tấn.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh	Tọa độ vị trí (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108 ^o 15, múi chiều 3 ^o)	
	X (m)	Y (m)
Nguồn số 01	1343836	588812
Nguồn số 02	1343777	588852
Nguồn số 03	1343819	588877
Nguồn số 04	1343896	588849
Nguồn số 05	1343903	588862

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A Phụ lục này.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định.
- Tăng cường việc trồng, bố trí cây xanh xung quanh trong khuôn viên của nhà máy.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày... tháng ... năm 2024
của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	90
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	07 02 03	800
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, vải bảo vệ thải	18 02 01	162
4	Bao bì mềm thải (đã chứa CTNH)	18 01 01	19
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 01	118
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	17
7	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ các bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	19 02 06	150
8	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	6
9	Pin, ắc quy thải	19 06 05	10
Tổng cộng			1.372

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Thành phần chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Phế phẩm thủy sản	15.873
2	Phế liệu từ quá trình tháo bỏ nguyên liệu, đóng gói, ballet hỏng...	1.365

STT	Thành phần chất thải	Số lượng (tấn/năm)
3	Bùn thải từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải (bao gồm bùn thải từ bể tự hoại)	1.248
4	Tro, xỉ từ hoạt động lò hơi, tấm than hoạt tính, cặn lắng từ hệ thống xử lý khí thải	58,5
5	Cặn lắng từ hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, rác thô từ hệ thống xử lý nước thải	39
Tổng cộng		18.584

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	78
Tổng cộng		78

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích: 8 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có tường bao quanh, lợp mái, sàn chống thấm, được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng, bao chứa.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Đối với phế liệu có thể tái sử dụng:

+ Được lưu chứa tại kho có diện tích 30m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch và tôn bao kín, mái tôn, nền bê tông cao và có biển cảnh báo; kho đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Đối với phế phẩm thủy sản:

+ Được lưu chứa tại 02 kho kín có diện tích 20m² và 6m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch và tôn bao kín, mái tôn, nền bê tông cao và có biển cảnh báo; kho đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

+ Được lưu chứa tại khu vực có diện tích 10m².

+ Thiết kế, cấu tạo: mái tôn, nền bê tông cao và có biển cảnh báo; khu vực lưu chứa đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Đối với tro, xỉ từ hệ thống lò hơi:

+ Được lưu chứa tại khu vực có diện tích 10m².

+ Thiết kế, cấu tạo: mái tôn, nền bê tông và có biển cảnh báo; khu vực lưu chứa đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa, có nắp đậy.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- 01 kho lưu chứa:

+ Diện tích: 12 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch bao kín, mái tôn, nền kho được bê tông hóa, có gờ chắn để ngăn nước mưa chảy tràn vào bên trong kho; khu vực lưu chứa đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường khác đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

tổ chức công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-KKT ngày...tháng ... năm 2024 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý toàn bộ lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Đảm bảo việc phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện công khai thông tin về giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND xã Suối Tân (nơi thực hiện dự án) theo quy định tại Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

4. Tổ chức thực hiện việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; gửi kết quả báo cáo định kỳ về Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cam Lâm và Công ty CP Khu công nghiệp Suối Dầu với thời hạn là trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.

5. Trường hợp các văn bản pháp luật áp dụng tại Giấy phép môi trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định pháp luật mới ban hành.